

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 3 (2022-2023)

Môn học: Công nghệ sau thu hoạch và bảo
quản thực phẩm (23034204)

Ngày thi: 22/08/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-29

Cán bộ coi thi 1: *[Signature]* Cán bộ coi thi 2: *[Signature]* G.Viên chấm thi 1: *[Signature]* G.Viên chấm thi 2: *[Signature]*
Số SV có mặt: *07*
Số bài thi: *07*
Số tờ giấy thi: *07*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Đan	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122210156	Trần Sĩ	Đan	19/12/2004	CCQ2221LA	333	<i>[Signature]</i>	8.1	8.3	8.2
2	2122210158	Lê Thị Bích	Hân	13/05/2004	CCQ2221LA	444	<i>[Signature]</i>	8.3	9.0	8.7
3	2122210155	Phạm Thị Thanh	Hằng	26/04/2004	CCQ2221LA	111	<i>[Signature]</i>	8.6	8.3	8.4
4	2122210166	Trần Hoàng	Khôi	27/02/2001	CCQ2221LA	222	<i>[Signature]</i>	8.0	8.2	8.1
5	2122210154	Bùi Thị Hằng	My	28/04/2003	CCQ2221LA	333	<i>[Signature]</i>	8.5	7.8	8.1
6	2122210157	Võ Thị Huệ	Thư	10/12/2004	CCQ2221LA	444	<i>[Signature]</i>	8.3	8.8	8.6
7	2122210159	Nguyễn Minh	Tuấn	29/11/2004	CCQ2221LA	111	<i>[Signature]</i>	8.4	7.8	8.1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Công nghệ sau thu hoạch và bảo quản thực phẩm (23034202)

Ngày thi: 22/08/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Băng	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122210124	Trần Thị Tuyết	Băng	30/12/2004	CCQ2221D	222	Băng	8.1	68	73
2	2122210197	Trần Thị Linh	Chi	28/01/2004	CCQ2221D	333	Chi	8.2	47	61
3	2122210126	Võ Ngọc	Đang	14/08/2004	CCQ2221D	444	Đang	7.7	73	75
4	2122210090	Nguyễn Thành	Đạt	18/09/2004	CCQ2221C	✓	✓	0.0	00	00
5	2122210164	Nguyễn Ngọc	Đức	25/02/2004	CCQ2221C	222	Đức	7.8	82	80
6	2122210106	Nguyễn Thị Thu	Hà	08/08/2004	CCQ2221C	333	Hà	8.1	62	70
7	2122210080	Phạm Thị Thu	Hào	25/11/2004	CCQ2221C	222	Hào	7.9	72	75
8	2122210144	Nguyễn Lê	Hoa	15/09/2004	CCQ2221D	111	Hoa	7.4	60	66
9	2122210081	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	16/11/2004	CCQ2221C	444	Quỳnh	8.4	88	80
10	2122210007	Tạ Thị Thu	Hồng	25/04/2003	CCQ2221A	333	Hồng	8.2	47	61
11	2122210010	Sử Nhất	Huy	25/08/2003	CCQ2221A	444	Huy	7.5	37	52
12	2122210196	Nguyễn Gia	Hy	16/07/2004	CCQ2221C	111	Gia	8.1	85	83
13	2122210082	Đặng Trung	Kiên	19/04/2004	CCQ2221C	✓	✓	0.0	00	00
14	2122210091	Hồ Thị	Kiều	22/08/2004	CCQ2221C	333	Thị	7.8	65	70
15	2122210146	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	17/06/2004	CCQ2221D	444	Lan	8.1	60	68
16	2122210116	Nguyễn Thị Thanh	Lan	26/02/2004	CCQ2221D	111	Thanh	7.8	80	79
17	2122210190	Hoàng Thị	Loan	16/03/2004	CCQ2221D	444	Loan	8.6	80	82
18	2122270047	Lê Thị Hồng	Loan	22/10/2004	CCQ2221C	333	Hồng	7.7	57	65
19	2122210085	Trần Thị Cúc	Loan	23/12/2004	CCQ2221C	222	Loan	7.7	50	61
20	2122210098	Văn Thị Tuyết	Loan	03/10/2004	CCQ2221C	111	Loan	7.7	57	65
21	2122210079	Trần Thị Thanh	Mai	11/09/2004	CCQ2221C	222	Mai	7.6	57	65
22	2122210087	Nguyễn Thị	Mến	13/07/2004	CCQ2221C	333	Mến	7.9	80	80
23	2122210186	Nguyễn Võ Trà	My	13/05/2004	CCQ2221D	444	My	8.1	80	80
24	2122210136	Trần Thúy	Nga	02/03/2004	CCQ2221D	111	Thúy	8.5	65	73
25	2122210114	Dương Thị Thùy	Ngân	04/05/2004	CCQ2221C	222	Thùy	8.1	70	74

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Công nghệ sau thu hoạch và bảo quản thực phẩm (23034202)

Ngày thi: 22/08/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-31

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122210182	Nguyễn Xuân Nghi	02/04/2004	CCQ2221C	444	<i>Nguyen Xuan Nghi</i>	7.6	67	71
2	2122210153	Lê Thị Hồng Ngọc	04/11/2004	CCQ2221D	333	<i>Le Thi Hong</i>	7.7	80	79
3	2122210127	Trương Thị Kim Ngọc	17/11/2004	CCQ2221D	222	<i>Truong Thi Kim</i>	8.2	70	75
4	2122210093	Lê Phương Nhi	01/07/2004	CCQ2221C	111	<i>Le Phuong</i>	8.2	62	70
5	2122210137	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	18/09/2002	CCQ2221D	444	<i>Nguyen Ngoc Yen</i>	8.1	95	89
6	2122210119	Huỳnh Phương Nhung	06/11/2004	CCQ2221D			0.0		
7	2122210148	Phan Tuyết Nhung	22/08/2004	CCQ2221D	222	<i>Phan Tuyet</i>	7.7	39	51
8	2122210100	Trần Văn Phát	18/06/2004	CCQ2221C	111	<i>Tran Van</i>	7.8	65	70
9	2122210134	Hồ Hoàng Như Phúc	27/01/2004	CCQ2221D	444	<i>Hu Hoang</i>	8.5	75	79
10	2122210123	Lê Thị Phương	16/01/2004	CCQ2221D	333	<i>Le Thi</i>	7.6	73	74
11	2122210135	Bùi Thị Bích Quy	30/09/2004	CCQ2221D	222	<i>Bui Thi</i>	8.2	72	76
12	2122210133	Nguyễn Thị Thanh Tâm	18/10/2004	CCQ2221D	111	<i>Nguyen Thi</i>	7.8	45	58
13	2122210095	Quách Thanh Thanh	19/05/2004	CCQ2221C	444	<i>Quach Thanh</i>	7.9	72	75
14	2122210129	Nguyễn Văn Phương Thảo	29/03/2004	CCQ2221D	333	<i>Nguyen Van</i>	8.5	83	84
15	2122210128	Trần Lê Quốc Thịnh	02/11/2004	CCQ2221D	444	<i>Tran Le</i>	7.5	63	68
16	2122210122	Phan Thị Anh Thư	24/04/2003	CCQ2221D	111	<i>Phan Thi</i>	7.4	50	60
17	2122210023	Ngô Thị Kiều Tiên	09/05/2004	CCQ2221A	222	<i>Ngô Thi</i>	8.0	52	63
18	2122210142	Đặng Thị Bích Til	15/04/2004	CCQ2221D	333	<i>Dang Thi</i>	7.7	60	67
19	2122210130	Lê Thị Mỹ Tinh	08/04/2004	CCQ2221D	444	<i>Le Thi</i>	8.2	75	78
20	2122210143	Dương Thị Bé Trâm	07/12/2003	CCQ2221D	111	<i>Duong Thi</i>	7.8	58	66
21	2122210188	Mai Hương Trâm	09/02/2003	CCQ2221D	222	<i>Mai Huong</i>	8.2	82	82
22	2122210191	Nguyễn Ngọc Thiên Trang	10/04/2004	CCQ2221D	333	<i>Nguyen Ngoc</i>	7.9	75	77
23	2122210120	Trần Nguyễn Lan Trinh	12/02/2004	CCQ2221D	222	<i>Tran Nguyen</i>	8.0	55	65
24	2122210139	Lê Thanh Trúc	03/12/2004	CCQ2221D	111	<i>Le Thanh</i>	8.4	73	77
25	2122210121	Nguyễn Trương Dạ Uyên	15/09/2004	CCQ2221D	444	<i>Nguyen Truong</i>	8.2	78	80
26	2122210118	Phạm Võ Như Ý	12/12/2004	CCQ2221D	333	<i>Pham Vo</i>	8.4	78	80

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Công nghệ sau thu hoạch và bảo quản thực phẩm (23034203)

Ngày thi: 22/08/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 45

Số bài thi: 45

Số tờ giấy thi: 45

STT	Mã SV	Họ và Tên	Đan	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122210094	Bùi Phúc Sỹ	Đan	22/12/2004	CCQ2221F	111		8.4	68	74
2	2120210037	Mai Nhật	Diệu	18/07/2002	CCQ2021B	222		8.7	53	67
3	2120210085	Nguyễn Thị Kim	Hạnh	23/12/2002	CCQ2021C	333		8.6	63	72
4	2120210103	Chế Thị Thúy	Kiều	03/09/2002	CCQ2021C	444		8.5	65	73
5	2122210024	Phạm Thị Mỹ	Linh	05/03/2004	CCQ2221A	111		8.5	42	59
6	2122210111	Lê Công	Lực	29/06/2004	CCQ2221F	222		8.1	70	74
7	2122210003	Võ Thị Quỳnh	Như	25/05/2004	CCQ2221E	333		8.6	65	73
8	2122210018	Đoàn Hữu	Phước	25/05/2004	CCQ2221E	444		7.7	53	63
9	2120210055	Nguyễn Thị Thu	Phương	16/08/2002	CCQ2021B	111		8.2	57	67
10	2122210138	Nguyễn Ngọc Tâm	Quyên	08/02/2002	CCQ2221F	222		7.9	53	63
11	2122210088	Lương Thị Hồng	Thắm	29/06/2004	CCQ2221F	333		8.0	78	79
12	2122210006	Bùi Thị Linh	Thị	07/02/2004	CCQ2221E	444		8.3	68	74
13	2122210063	Nguyễn Võ Minh	Thư	04/12/2004	CCQ2221B	111		8.0	68	73
14	2122210163	Lâm Việt	Tiên	20/07/2004	CCQ2221F	222		7.4	35	50
15	2122210192	Võ Thị Kiều	Tiên	08/01/2004	CCQ2221E	333		7.7	63	69
16	2122210193	Trương Xuân	Tiến	18/03/1999	CCQ2221E	444		7.6	47	59
17	2122210083	Khổng Hà	Trâm	27/10/2004	CCQ2221F	111		7.7	78	78
18	2122210012	Phạm Thị Ngọc	Trâm	14/10/2004	CCQ2221E	222		8.4	82	83
19	2122210037	Trần Thị Thu	Trâm	25/03/2004	CCQ2221E	333		8.0	50	62
20	2122210033	Nguyễn Thị Quế	Trân	06/08/2004	CCQ2221E	444		8.2	67	73
21	2122210022	Trần Thị Nhà	Trân	18/03/2003	CCQ2221E	111		8.1	90	86
22	2122210187	Bùi Thiên	Trang	02/01/2004	CCQ2221F	222		8.1	65	71
23	2122210077	Nguyễn Thùy	Trang	19/12/2004	CCQ2221E	333		8.1	77	79
24	2122210107	Phan Thị Quỳnh	Trang	29/10/2004	CCQ2221F	444		7.5	63	68
25	2122210078	Trần Công	Trí	26/10/2004	CCQ2221F	111		8.4	88	86
26	2122210069	Nguyễn Thị	Triều	29/09/2004	CCQ2221E	222		7.5	45	57
27	2122210131	Lê Thị Ngọc	Trình	10/10/2003	CCQ2221F	333		8.1	60	68
28	2122210068	Lê Thị Tuyết	Trình	02/07/2004	CCQ2221E	444		7.9	50	62

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Công nghệ sau thu hoạch và bảo quản thực phẩm (23034203)

Ngày thi: 22/08/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 45

Số bài thi: 45

Số tờ giấy thi: 45

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Trình	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122210141	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	17/08/2004	CCQ2221F	111	<i>(Signature)</i>	8.0	52	63
30	2122210047	Phan Nguyễn Thanh	Trình	21/10/2004	CCQ2221E	222	<i>(Signature)</i>	7.9	52	63
31	2122210065	Đoàn Huỳnh Như	Trúc	25/05/2004	CCQ2221E	333	<i>(Signature)</i>	8.1	60	68
32	2122210189	Nguyễn Quỳnh Thanh	Trúc	06/09/2004	CCQ2221F	444	<i>(Signature)</i>	7.4	40	54
33	2122210039	Trần Thanh	Truyền	14/03/2004	CCQ2221E	111	<i>(Signature)</i>	7.5	58	65
34	2122210177	Nguyễn Cẩm	Tú	25/12/2004	CCQ2221E	222	<i>(Signature)</i>	8.1	45	59
35	2122210053	Phan Quỳnh Thủy	Tú	03/02/2004	CCQ2221E	333	<i>(Signature)</i>	8.1	35	53
36	2122210056	Võ Ngọc	Tùng	17/12/2004	CCQ2221E	444	<i>(Signature)</i>	8.2	62	70
37	2122210071	Phạm Cẩm	Tuyên	01/12/2004	CCQ2221E	111	<i>(Signature)</i>	8.2	72	76
38	2122210051	Nguyễn Thị Mộng	Tuyên	19/08/2004	CCQ2221E	222	<i>(Signature)</i>	8.1	70	74
39	2122210014	Đặng Thị	Tuyết	26/07/2004	CCQ2221E	333	<i>(Signature)</i>	8.0	37	54
40	2122210140	Bùi Văn	Ty	20/11/2004	CCQ2221F	444	<i>(Signature)</i>	7.9	52	63
41	2122210043	Thái Thị Hồng	Vân	10/07/2004	CCQ2221E	111	<i>(Signature)</i>	8.1	72	76
42	2122210174	Nguyễn Thuý	Vi	20/03/2004	CCQ2221E	222	<i>(Signature)</i>	8.2	52	64
43	2122210132	Huỳnh Hồ Hữu	Vinh	25/03/2004	CCQ2221F			0.0		
44	2122210055	Trần Thúy	Vy	20/08/2004	CCQ2221E	444	<i>(Signature)</i>	8.5	53	66
45	2122210145	Diệp Khả	Yến	30/05/2004	CCQ2221F	111	<i>(Signature)</i>	7.7	38	54
46	2122210125	Nguyễn Thị Kim	Yến	29/05/2004	CCQ2221F	222	<i>(Signature)</i>	8.1	57	67

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Công nghệ sau thu hoạch và bảo quản thực phẩm (23034201)

Ngày thi: 22/08/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122210031	Lê Thị Ly	08/02/2004	CCQ2221A			6.9		
2	2122210035	Trần Bảo Ly	12/09/2004	CCQ2221A	444		6.6	5.3	5.8
3	2122210026	Nguyễn Thân Kiều	16/01/2004	CCQ2221A	111		7.4	5.3	6.2
4	2122210046	Nguyễn Thị My	27/09/2004	CCQ2221B	222		7.0	7.0	7.0
5	2122210034	Võ Nguyễn Thảo	22/02/2004	CCQ2221A	333		6.8	7.7	7.3
6	2122210030	Nguyễn Huỳnh Chi	06/01/2004	CCQ2221A	444		8.5	8.3	8.4
7	2122210061	Lê Thị Phương	23/01/2004	CCQ2221B	111	Nam	7.7	7.3	7.5
8	2122210002	Nguyễn Ngọc Thanh	14/07/2004	CCQ2221A	444		7.3	7.5	7.4
9	2122210049	Trần Thanh Ngân	18/05/2004	CCQ2221B			0.0		
10	2122210058	Nguyễn Thị Kim	17/10/2004	CCQ2221B	222		6.9	6.5	6.7
11	2122210175	Đỗ Thị Bích	26/04/2004	CCQ2221B	111		7.9	6.0	6.8
12	2122210025	Lê Thị Trúc	23/12/2004	CCQ2221A	444		7.1	5.5	6.1
13	2122210015	Huỳnh Tố	05/10/2003	CCQ2221A	333		6.7	6.0	6.3
14	2122210170	Nguyễn Thị	25/06/2004	CCQ2221A	222		8.6	6.2	7.2
15	2122210013	Lê Thị Huỳnh	24/03/2004	CCQ2221A	111		7.3	6.5	6.8
16	2122210048	Lê Ánh	18/08/2004	CCQ2221B	222		6.6	6.0	6.2
17	2122210178	Lê Nguyễn Hoài	23/06/2004	CCQ2221B			0.0		
18	2122210052	Lê Thanh	05/12/2004	CCQ2221B	444		9.2	6.0	7.3
19	2122210076	Mai Như	27/02/2004	CCQ2221B	111		7.4	7.3	7.4
20	2122210045	Lữ Minh	26/09/2004	CCQ2221B	222		7.1	4.7	5.6
21	2122210059	Bùi Thanh Bích	28/03/2004	CCQ2221B	333		7.1	7.3	7.2
22	2122210067	Trần Thị Nghi	20/11/2004	CCQ2221B	111		7.6	5.8	6.5
23	2122210040	Trần Thị Lệ	10/10/2004	CCQ2221B	333		7.6	6.2	6.8
24	2122210001	Đặng Thị Bích	04/01/2004	CCQ2221A			0.0		
25	2122210173	Trần Thanh	06/02/2003	CCQ2221B	222		6.8	3.8	5.0
26	2122210066	Lê Nguyễn Thu	30/04/2004	CCQ2221B	111		8.1	6.0	6.8
27	2122210050	Nguyễn Thị Thùy	25/08/2003	CCQ2221B	444		6.9	4.2	5.3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Công nghệ sau thu hoạch và bảo quản thực phẩm (23034201)

Ngày thi: 22/08/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122210161	Hoàng Duy Anh	18/06/2004	CCQ2221A	111	Anh	7.4	4.7	5.8
2	2122210162	Trần Quốc Bảo	06/10/2004	CCQ2221B	999	Bao	7.3	3.7	5.1
3	2122210169	Trần Thị Kim Châu	10/09/2003	CCQ2221A	333	Chau	7.3	7.5	7.4
4	2122210194	Huỳnh Ngọc Linh Đan	29/09/2004	CCQ2221A	444	Dan	7.0	5.8	6.3
5	2122210160	Nguyễn Linh Đan	22/10/2004	CCQ2221A	111	Dan	6.6	4.0	5.0
6	2122210008	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	18/05/2004	CCQ2221A	202	Diem	6.7	7.5	7.2
7	2122210075	Phạm Ngọc Diệp	18/09/2004	CCQ2221B	333	Diap	7.4	6.0	6.6
8	2122210021	Võ Ngọc Diệp	15/07/2004	CCQ2221A	444	Diap	7.3	6.2	6.6
9	2122210038	Hồ Thị Bích Dung	17/03/2004	CCQ2221A	111	Dung	7.9	4.8	6.0
10	2122210062	Đinh Thị Thùy Dương	17/07/2004	CCQ2221B	222	Duong	7.3	4.2	5.4
11	2122210028	Phạm Quốc Dương	25/10/2002	CCQ2221A	333	Duoc	7.8	5.7	6.5
12	2122210054	Đỗ Nguyễn Tuấn Duy	29/09/2004	CCQ2221B	444	Duy	7.4	6.3	6.7
13	2122210057	Hồ Thị Thùy Duyên	22/08/2004	CCQ2221B	111	Duyen	7.3	6.2	6.6
14	2122210172	Lê Quỳnh Giao	18/02/2004	CCQ2221A	222	Giao	8.8	5.5	6.8
15	2122210072	Trần Thị Thu Hiền	02/02/2004	CCQ2221B	333	Hien	6.9	5.8	6.2
16	2122210198	Trần Thị Ngọc Huyền	20/08/2004	CCQ2221B	444	Huyen	6.7	5.7	6.1
17	2122210171	Nguyễn Minh Khang	28/09/2004	CCQ2221A	111	Khang	8.8	6.3	7.3
18	2122210032	Hoàng Thị Thanh Lam	19/10/2004	CCQ2221A	222	Lam	6.6	5.3	5.8
19	2122210060	Nguyễn Văn Lập	10/01/2003	CCQ2221B	333	Lap	7.1	5.3	6.0
20	2122210004	Phan Văn Lịch	27/06/2004	CCQ2221A	444	Lich	7.9	6.8	7.2
21	2122210036	Hồ Yến Linh	09/11/2004	CCQ2221A	111	Linh	6.7	5.5	6.0
22	2122210167	Nguyễn Thị Thùy Linh	19/10/2004	CCQ2221A	222	Linh	7.5	4.7	5.8
23	2122210009	Trương Thùy Linh	17/02/2004	CCQ2221A	333	Linh	7.0	3.8	5.1
24	2122210016	Võ Ngọc Anh Linh	31/08/2004	CCQ2221A	444	Linh	7.8	6.2	6.8
25	2122210005	Nguyễn Phi Long	01/11/2004	CCQ2221A	111	Long	8.1	3.3	5.2
26	2122210027	Nguyễn Tạ Kim Lưu	08/01/2004	CCQ2221A	222	Luu	7.1	3.8	5.1